FireAnt

CTCP BCG Energy (UPCOM: BGE)

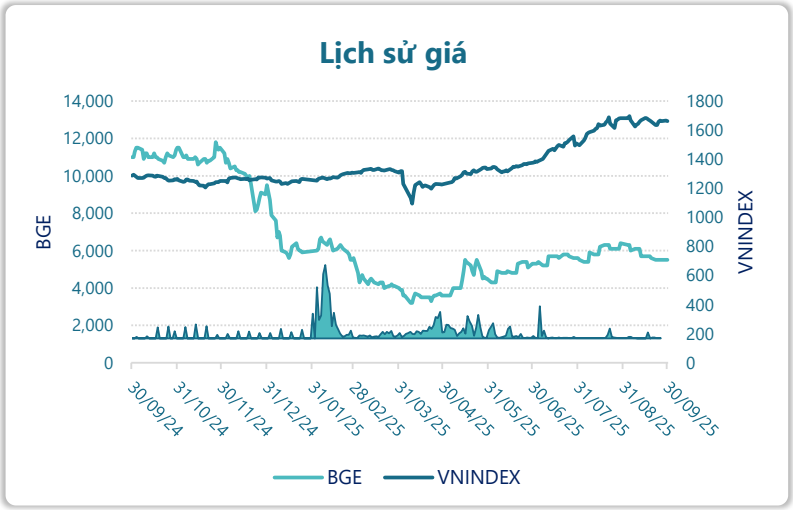

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**5,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	11,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,200
SL cổ phiếu LH	730,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	441,765
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	4,015
P/E	-641.2
EPS	-9

DT thuần

Q3/25

349

tỷ VNĐ

QoQ: ▼14.0| -3.8%

YoY: ▲ 9.00| 2.8%

LN sau thuế

Q3/25

67.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 46.6| 223%

YoY: ▼147| -68.5%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

56.2%

+/- YoY: ▼ 55.6%

DT thuần

9T 2025

1,009

tỷ VNĐ

YoY: ▼21.0| -2.0%

LN sau thuế

9T 2025

94.9

tỷ VNĐ

YoY: ▼409| -81.2%

ROE

Q3/25

-0.1%

#VALUE!

Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh

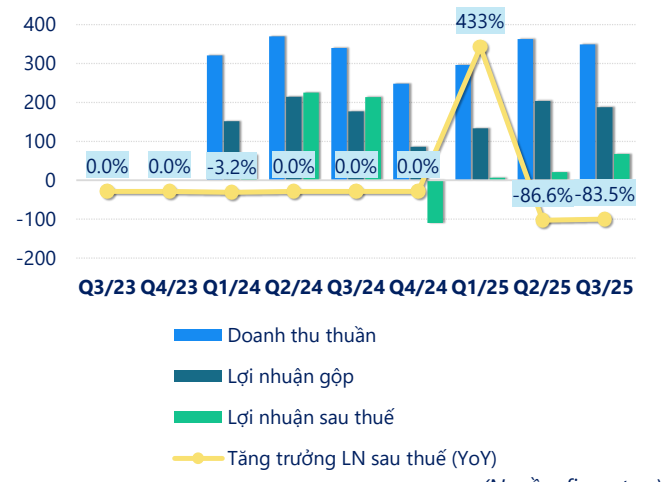

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

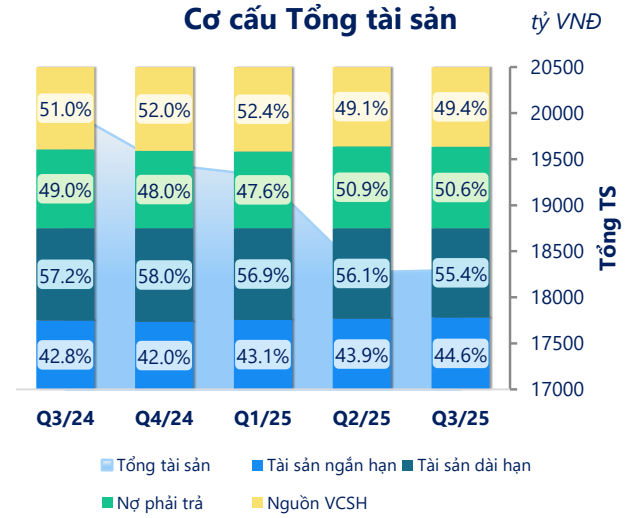

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

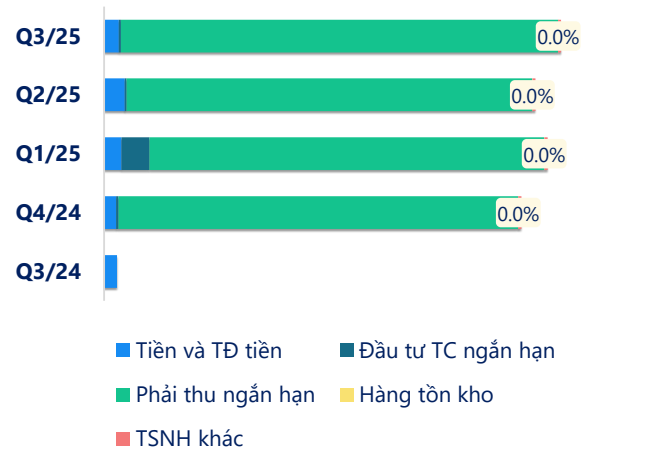

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

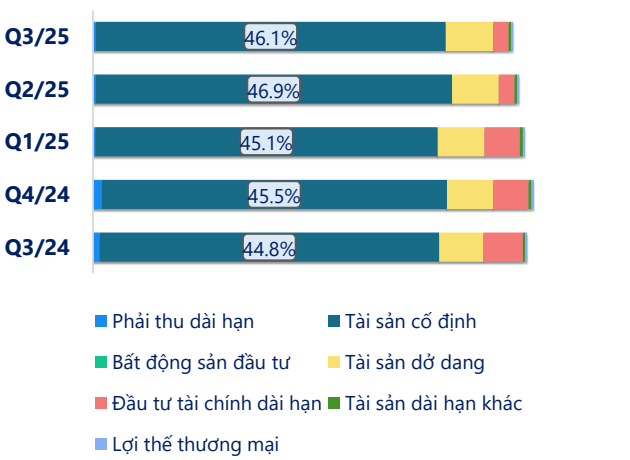

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

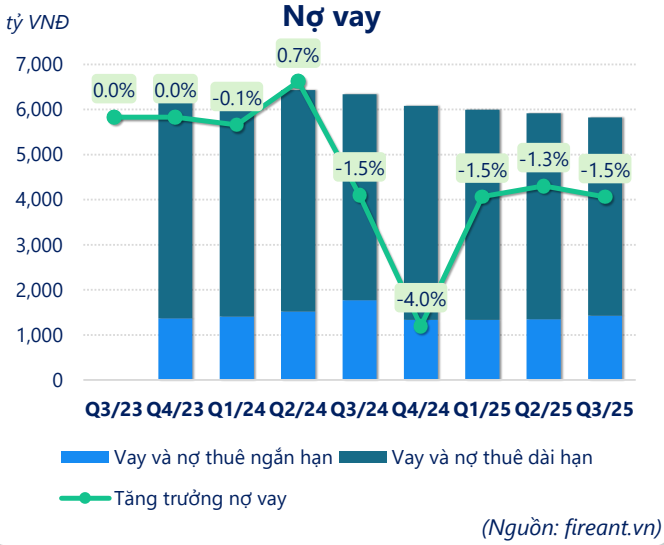

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

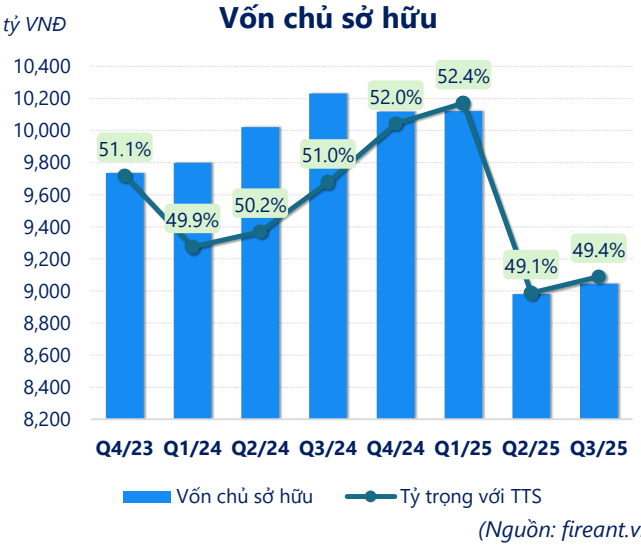

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

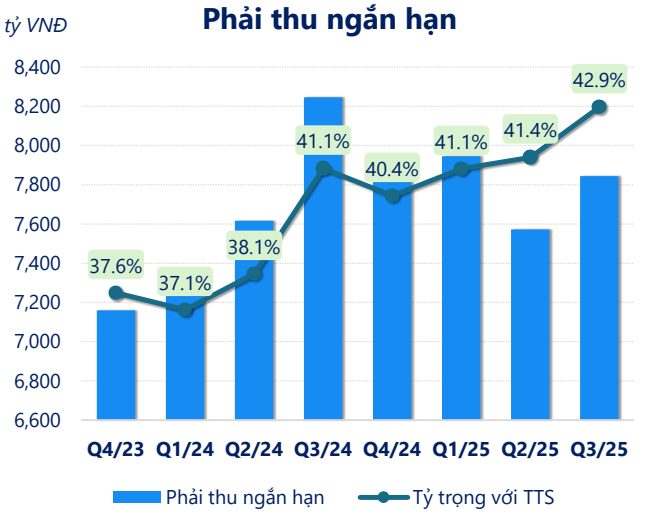

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

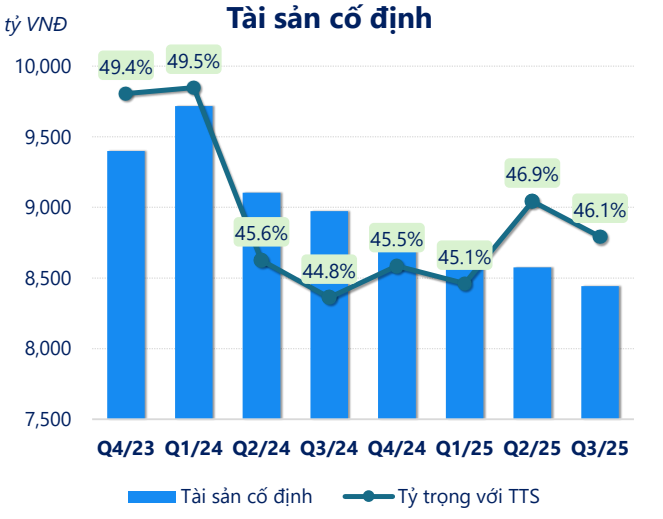

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

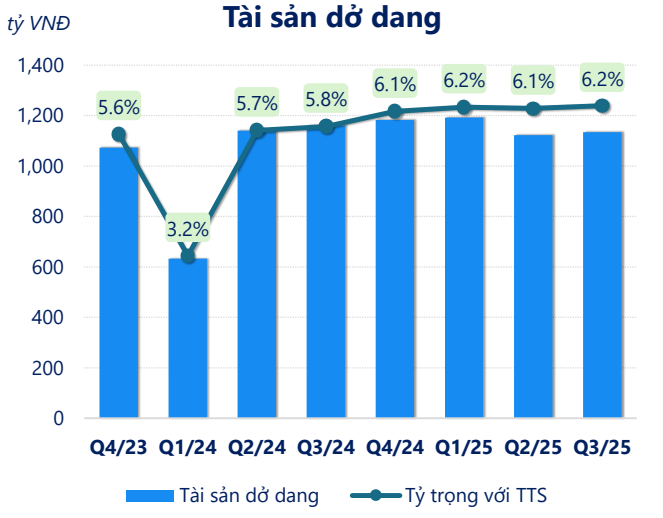

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

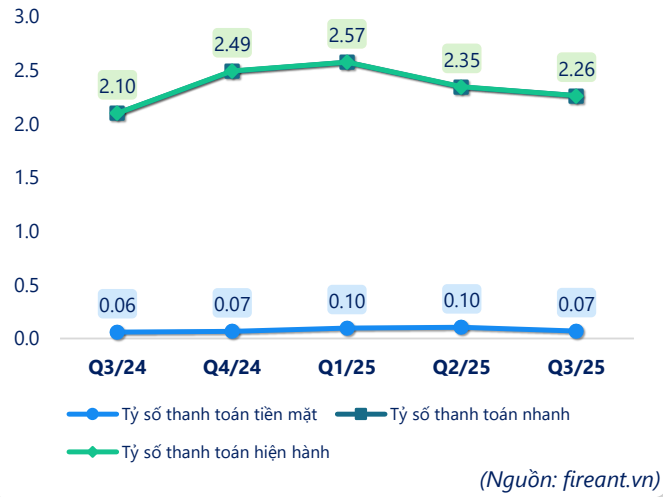

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

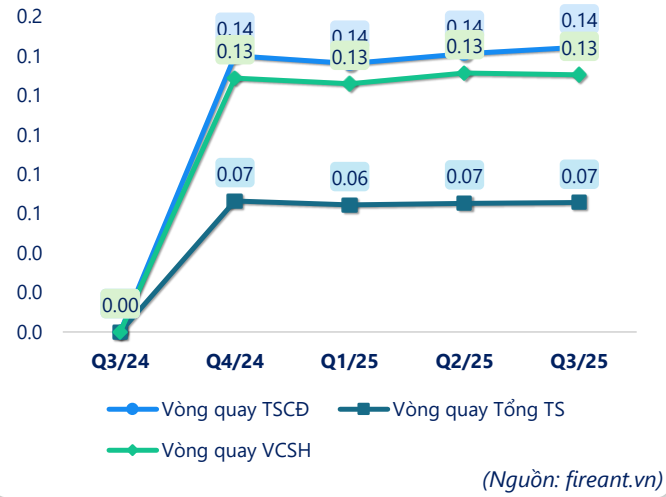

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**20,049**	**19,446**	**19,322**	**18,272**	**18,298**
Tài sản ngắn hạn	**8,583**	**8,160**	**8,335**	**8,017**	**8,169**
Tiền và tương đương tiền	243	222	318	358	252
Đầu tư tài chính ngắn hạn	39.0	39.0	23.0	23.0	23.0
Phải thu ngắn hạn	8,246	7,847	7,945	7,573	7,844
Hàng tồn kho	1.38	1.71	1.66	4.28	3.46
Tài sản ngắn hạn khác	53.2	50.1	46.9	59.3	46.9
Tài sản dài hạn	**11,467**	**11,286**	**10,987**	**10,255**	**10,129**
Phải thu dài hạn	168	220	58.8	59.7	59.7
Tài sản cố định	8,973	8,842	8,709	8,576	8,442
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	1,160	1,183	1,192	1,122	1,134
Đầu tư tài chính dài hạn	1,044	906	896	379	376
Tài sản dài hạn khác	61.8	77.9	76.1	65.0	65.8
Lợi thế thương mại	59.4	57.3	55.2	53.1	51.0
Nợ phải trả	**9,818**	**9,328**	**9,202**	**9,292**	**9,254**
Nợ ngắn hạn	**4,089**	**3,276**	**3,238**	**3,419**	**3,610**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,767	1,335	1,332	1,344	1,429
Phải trả người bán ngắn hạn	1,715	1,386	1,371	1,377	1,438
Nợ dài hạn	5,729	6,053	5,964	5,873	5,644
Vay và nợ thuê dài hạn	4,569	4,749	4,660	4,570	4,395
Nguồn vốn chủ sở hữu	**10,231**	**10,117**	**10,120**	**8,980**	**9,044**
Vốn chủ sở hữu	**10,231**	**10,117**	**10,120**	**8,980**	**9,044**
Vốn điều lệ	7,300	7,300	7,300	7,300	7,300
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)